

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 47



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 9 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại Tòa A – lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên	
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên	
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên	
Ông Gum Ki Ho	Thành viên	
Ông Kwon Oh Soo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2024
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2024

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thu Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2024
	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2024
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)	
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn, Tổng Giám đốc Tập đoàn	
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Đặng Tùng Sơn	Giám đốc Chiến lược	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2024
Ông Đặng Văn Tú	Giám đốc Công nghệ	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2024
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2024

(\*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 đề ngày 28 tháng 11 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành:

Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

Số tham chiếu: 11887657/68470617

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 11 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 9 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Lê Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 9 năm 2024


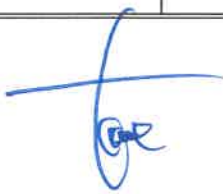
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>586.022.760.363</b>	<b>566.824.466.792</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>26.380.128.291</b>	<b>12.399.440.394</b>
111	1. Tiền		26.380.128.291	12.399.440.394
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>150.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	150.000.000.000	182.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>405.542.095.805</b>	<b>369.850.448.899</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	94.592.979.314	88.918.611.402
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	9.228.491.672	13.888.794.928
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	38.650.000.000	18.650.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	273.534.999.097	258.857.416.847
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(10.464.374.278)	(10.464.374.278)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.100.536.267</b>	<b>2.574.577.499</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.016.098.302	803.740.308
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.084.437.965	1.770.837.191
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.754.898.608.289</b>	<b>2.631.679.362.887</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>628.669.920.982</b>	<b>650.234.636.019</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	625.517.878.829	646.599.258.124
222	Nguyên giá		913.546.039.136	911.749.870.163
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(288.028.160.307)	(265.150.612.039)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.152.042.153	3.635.377.895
228	Nguyên giá		26.808.529.204	26.808.529.204
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.656.487.051)	(23.173.151.309)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>866.829.267.269</b>	<b>761.970.466.552</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	866.829.267.269	761.970.466.552
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>1.177.998.101.636</b>	<b>1.136.089.155.063</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.330.851.401.467	1.265.851.401.467
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(160.111.655.831)	(137.020.602.404)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>76.401.318.402</b>	<b>78.385.105.253</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	76.401.318.402	78.385.105.253
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.340.921.368.652</b>	<b>3.198.503.829.679</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.106.130.194.654</b>	<b>1.011.360.262.436</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>465.780.460.535</b>	<b>480.247.598.072</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	93.689.364.236	103.819.127.214
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		26.784.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.425.470.600	294.968.602
314	4. Phải trả người lao động		2.680.739.888	2.788.401.591
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	18.457.677.462	17.634.978.219
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	3.657.124.065	3.731.737.784
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	12.993.518.963	21.089.972.677
320	8. Vay ngắn hạn	21	308.871.436.787	324.971.809.020
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	23.978.344.534	5.916.602.965
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>640.349.734.119</b>	<b>531.112.664.364</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	41.810.206.096	28.735.831.746
338	2. Vay dài hạn	21	586.949.230.870	498.958.710.662
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	1.647.247.965	1.618.249.795
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	9.943.049.188	1.799.872.161
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.234.791.173.998</b>	<b>2.187.143.567.243</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>2.234.791.173.998</b>	<b>2.187.143.567.243</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.904.392.960.000	1.900.269.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.904.392.960.000	1.900.269.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.062.540.400	27.062.540.400
415	3. Cổ phiếu quỹ		(418.000.000)	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		303.753.673.598	259.811.066.843
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		213.207.159.956	3.900.473.026
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		90.546.513.642	255.910.593.817
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.340.921.368.652</b>	<b>3.198.503.829.679</b>



Nguyễn Hồng Phương  
Người lập kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.1	121.152.296.722	106.439.924.184
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	26.1	121.152.296.722	106.439.924.184
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	27	(51.189.011.195)	(49.922.651.802)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		69.963.285.527	56.517.272.382
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	92.023.739.689	87.401.673.427
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	28	(38.504.380.293) (15.413.326.866)	(49.404.003.999) (18.291.485.781)
25	8. Chi phí bán hàng		(460.624.792)	(169.269.416)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(32.621.788.754)	(31.738.515.382)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.400.231.377	62.607.157.012
31	11. Thu nhập khác		218.739.613	75.981.659
32	12. Chi phí khác		(43.459.178)	(9.129.721)
40	13. Lợi nhuận khác		175.280.435	66.851.938
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.575.511.812	62.674.008.950
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	(28.998.170)	(28.998.170)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		90.546.513.642	62.645.010.780



Nguyễn Hồng Phương  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuệ  
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

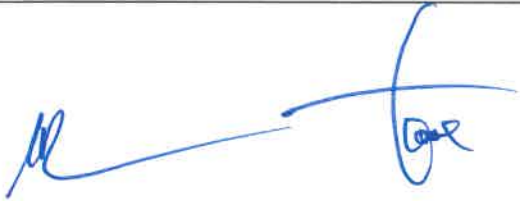
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>90.575.511.812</b>	<b>62.674.008.950</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		23.360.884.010	23.013.624.397
03	Các khoản dự phòng		23.091.053.427	30.009.694.097
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	26.2	(92.023.739.689)	(87.401.673.427)
06	Chi phí lãi vay	28	15.413.326.866	18.291.485.781
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>60.417.036.426</b>	<b>46.587.139.798</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(17.209.967.214)	34.173.425.993
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		(31.602.330.709)	(55.484.077.342)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.771.428.857	(7.898.166.568)
14	Tiền lãi vay đã trả		(12.420.457.748)	(16.968.028.360)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(13.209.856)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.398.988.291)	(10.351.676.480)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(19.443.278.679)</b>	<b>(9.954.592.815)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(81.341.641.811)	(537.422.093.101)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.203.393.304
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.000.000.000)	(23.200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		52.000.000.000	168.100.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(65.000.000.000)	(36.800.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		82.228.459.223	30.169.794.502
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(42.113.182.588)</b>	<b>(397.948.905.295)</b>

02  
TY  
HỮU  
YOU  
AM  
CH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
31	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.123.000.000	-
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(418.000.000)	(181.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		214.027.610.284	602.500.954.467
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(142.137.462.309)	(218.083.109.432)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(57.998.811)	(320.179.165)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ động tài chính</b>		<b>75.537.149.164</b>	<b>383.916.665.870</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>13.980.687.897</b>	<b>(23.986.832.240)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>12.399.440.394</b>	<b>46.558.963.158</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>26.380.128.291</b>	<b>22.572.130.918</b>




Nguyễn Hồng Phương  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 11 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 9 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại Tòa A – lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 117 (ngày 31 tháng 3 năm 2024: 107).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có 15 công ty con (ngày 31 tháng 3 năm 2024: 14 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Consulting (Tên trước đây là Công ty Cổ phần CMC Consulting)	Hà Nội	Dịch vụ và phân phối các sản phẩm phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France (ii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (iii) (iv)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (iii)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (iii)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Korea (iii)	Hàn Quốc	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	77,44%	77,44%
Trường Đại học CMC (Trước đây là Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu) (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	70,47%	91%
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI (v)	Hà Nội	Hạ tầng số	100%	100%

- (i) Tỷ lệ lợi ích 54,63% bao gồm phần sở hữu gián tiếp thông qua Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với tỷ lệ 9,1%.
- (ii) Công ty TNHH Blue France đã tạm dừng hoạt động.
- (iii) Tập đoàn gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC, Công ty TNHH CMC Global và Công ty TNHH CMC Education.
- (iv) Vào ngày 24 tháng 5 năm 2024, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Quyết định số 19/QĐ/CMC về việc góp thêm vốn vào Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC với giá trị là 10.000.000.000 VND.
- (v) Vào ngày 3 tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Hạ tầng số AI, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, với tổng vốn điều lệ là 300 tỷ VND. Hoạt động chính của Công ty TNHH Hạ tầng số AI là xử lý dữ liệu, cho thuê hạ tầng số và các hoạt động liên quan. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty đã thực hiện việc góp vốn 55.000.000.000 VND vào Công ty TNHH Hạ tầng số AI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 vào ngày 28 tháng 11 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam về báo cáo tài chính giữa niên độ do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời gian của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	19 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 05/2022/TT-BKH-CN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế và được xác nhận bởi khách hàng theo từng hợp đồng tại ngày báo cáo.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền cho thuê*

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

##### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2447  
G T  
PHÂN  
CÔNG  
MC  
TP.

PHÂN  
H  
★



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Tiền mặt	2.893.736.977	2.415.376.901
Tiền gửi ngân hàng	23.486.391.314	9.984.063.493
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.380.128.291</b>	<b>12.399.440.394</b>

**5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư ngắn hạn	150.000.000.000	150.000.000.000	182.000.000.000	182.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt, hưởng lãi suất 9,2%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2024: từ 7,3%/năm đến 9,2%/năm).

Công ty đã sử dụng các khoản chứng chỉ tiền gửi này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (*Thuyết minh số 21*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2024
Phải thu từ khách hàng khác	932.870.240	9.032.550.099
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	93.660.109.074	79.886.061.303
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.592.979.314</b>	<b>88.918.611.402</b>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2024
Trả trước cho người bán	9.228.491.672	13.365.394.928
- GMP International GMBH	3.566.177.893	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam	1.902.280.248	-
- Công ty TNHH Aurecon Việt Nam	1.566.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Thương mại và Xây dựng Văn Khánh	-	9.736.000.000
- Công ty Cổ phần Design & Build	264.267.498	3.280.996.199
- Trả trước cho người bán khác	1.929.766.033	348.398.729
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	523.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.228.491.672</b>	<b>13.888.794.928</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2024
Cho vay bên khác (*)	30.000.000.000	-
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	8.650.000.000	18.650.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.650.000.000</b>	<b>18.650.000.000</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay bên khác ngắn hạn được trình bày như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	30.000.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả vào ngày 1 tháng 10 năm 2024.	5,2%/năm	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>			





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 3 năm 2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	218.573.272.276	-	215.180.000.000	-
Lãi dự thu	8.169.270.220	-	1.767.262.030	-
Các khoản chi hộ	10.676.309.628	(6.250.054.278)	11.213.818.566	(6.250.054.278)
Tạm ứng cho nhân viên	26.587.002.665	-	24.186.669.422	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	6.029.144.308	(714.320.000)	3.009.666.829	(714.320.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>273.534.999.097</b>	<b>(10.464.374.278)</b>	<b>258.857.416.847</b>	<b>(10.464.374.278)</b>
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 32)</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	235.002.795.505	(6.250.054.278)	234.171.334.775	(6.250.054.278)
	38.532.203.592	(4.214.320.000)	24.686.082.072	(4.214.320.000)
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>

**9. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 3 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH CMC				
Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	714.320.000	-	714.320.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.464.374.278</b>	<b>-</b>	<b>10.464.374.278</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	564.080.335.957	337.299.419.575	6.442.280.000	3.927.834.631	911.749.870.163
- Mua trong kỳ	-	-	-	57.330.000	57.330.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.527.483.644	211.355.329	-	-	1.738.838.973
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	565.607.819.601	337.510.774.904	6.442.280.000	3.985.164.631	913.546.039.136
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	83.576.733.325	-	6.578.232.969	90.154.966.294
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	91.366.058.637	166.326.476.703	3.720.629.189	3.737.447.510	265.150.612.039
- Khấu hao trong kỳ	11.528.513.280	10.983.707.701	312.313.149	53.014.138	22.877.548.268
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	102.894.571.917	177.310.184.404	4.032.942.338	3.790.461.648	288.028.160.307
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	472.714.277.320	170.972.942.872	2.721.650.811	190.387.121	646.599.258.124
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	462.713.247.684	160.200.590.500	2.409.337.662	194.702.983	625.517.878.829

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, một số tài sản cố định hữu hình được sử dụng làm tài sản thế chấp các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 21*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	195.615.549	26.157.509.474	455.404.181	26.808.529.204
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	195.615.549	26.157.509.474	455.404.181	26.808.529.204
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	195.615.549	20.521.872.474	201.348.181	20.918.836.204
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	195.615.549	22.740.902.023	236.633.737	23.173.151.309
- Hao mòn trong kỳ	-	440.993.075	42.342.667	483.335.742
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	195.615.549	23.181.895.098	278.976.404	23.656.487.051
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	-	3.416.607.451	218.770.444	3.635.377.895
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	-	2.975.614.376	176.427.777	3.152.042.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" (*)	617.689.430.340	597.752.716.678
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" (**)	242.214.448.886	159.341.909.836
Phần mềm SAP Finance (giai đoạn 2)	4.681.008.000	2.631.360.000
Dự án tổ hợp nghiên cứu, đổi mới sáng tạo CMC - CMC Creative Space Hòa Lạc (CCS Hòa Lạc)	2.244.380.043	2.244.480.038
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>866.829.267.269</b>	<b>761.970.466.552</b>

(\*) Đây là dự án xây dựng Khu phức hợp văn phòng, trung tâm thương mại của Công ty tại Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội. Công ty sử dụng toàn bộ quyền phát sinh, và toàn bộ các tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

(\*\*) Đây là một phần dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

**13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 11,8 tỷ VND cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC" và Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội – CMC Creative Space Hanoi".

1/04  
 G T  
 ỀM HỮ  
 & YOI  
 NAM  
 Ồ CỨ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024			Ngày 31 tháng 3 năm 2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.330.851.401.467</b>	<b>(160.111.655.831)</b>	<b>1.170.739.745.636</b>	<b>1.265.851.401.467</b>	<b>(137.020.602.404)</b>	<b>1.128.830.799.063</b>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	310.000.000.000	-	310.000.000.000	310.000.000.000	-	310.000.000.000
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (i)	50.000.000.000	(40.000.000.000)	10.000.000.000	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-
Công ty TNHH CMC Global	200.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Công ty TNHH CMC Consulting	40.030.983.260	(18.024.399.971)	22.006.583.289	40.030.983.260	(18.024.399.971)	22.006.583.289
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	284.223.784.352	-	284.223.784.352	284.223.784.352	-	284.223.784.352
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100.000.000.000	(1.725.018.889)	98.274.981.111	100.000.000.000	(1.725.018.889)	98.274.981.111
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-
Công ty TNHH CMC Education	281.232.097.855	(94.997.700.971)	186.234.396.884	281.232.097.855	(71.906.647.544)	209.325.450.311
Công ty TNHH Hạ tầng số AI (ii)	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>7.258.356.000</b>	<b>-</b>	<b>7.258.356.000</b>	<b>7.258.356.000</b>	<b>-</b>	<b>7.258.356.000</b>
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	-	7.258.356.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.338.109.757.467</b>	<b>(160.111.655.831)</b>	<b>1.177.998.101.636</b>	<b>1.273.109.757.467</b>	<b>(137.020.602.404)</b>	<b>1.136.089.155.063</b>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty đang trong quá trình xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(i) Vào ngày 24 tháng 5 năm 2024, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Quyết định số 19/QĐ/CMC về việc góp thêm vốn vào Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC với giá trị là 10.000.000.000 VND.

(ii) Vào ngày 3 tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Hạ tầng số AI, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, với tổng vốn điều lệ là 300 tỷ VND. Hoạt động chính của Công ty TNHH Hạ tầng số AI là xử lý dữ liệu, cho thuê hạ tầng số và các hoạt động liên quan. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty đã thực việc góp vốn 55.000.000.000 VND vào Công ty TNHH Hạ tầng số AI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.1 Đầu tư vào các công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

**14.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty nắm 41,14% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Chi phí thuê đất trả trước	73.632.433.068	75.685.129.483
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	627.718.461	775.961.242
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.141.166.873	1.924.014.528
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>76.401.318.402</u></b>	<b><u>78.385.105.253</u></b>

**16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	70.782.345.690	70.782.345.690	97.696.851.188	97.696.851.188
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	58.566.272.367	58.566.272.367	58.566.272.367	58.566.272.367
- Công ty TNHH Schindler Việt Nam	2.743.952.000	2.743.952.000	2.743.952.000	2.743.952.000
- Công ty TNHH Phát triển THT	107.036.357	107.036.357	28.883.111.367	28.883.111.367
- Các nhà cung cấp khác	9.365.084.966	9.365.084.966	7.503.515.454	7.503.515.454
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	22.907.018.546	22.907.018.546	6.122.276.026	6.122.276.026
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>93.689.364.236</u></b>	<b><u>93.689.364.236</u></b>	<b><u>103.819.127.214</u></b>	<b><u>103.819.127.214</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/cán trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	13.415.768.572	(13.121.119.544)	294.649.028
Thuế thu nhập cá nhân	294.968.602	2.374.536.788	(2.078.913.363)	590.592.027
Thuế khác	-	887.931.890	(347.702.345)	540.229.545
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>294.968.602</b>	<b>16.678.237.250</b>	<b>(15.547.735.252)</b>	<b>1.425.470.600</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Chi phí xây dựng, sửa chữa	-	8.151.072.218
Lãi vay phải trả	8.082.256.481	5.774.702.707
Chi phí dịch vụ	1.608.723.749	2.795.435.808
Chi phí thuê đất	8.679.403.068	418.715.250
Chi phí khác	87.294.164	495.052.236
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.457.677.462</b>	<b>17.634.978.219</b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba đang thuê diện tích văn phòng tại tòa nhà CMC Tower và tòa nhà CMC Creative Space.

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	676.000.000	9.233.008.010
Phải trả tiền lãi vay	9.302.051.795	8.616.736.451
Cổ tức phải trả	1.663.283.739	1.721.282.550
Kinh phí công đoàn	74.091.393	108.764.104
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.278.092.036	1.410.181.562
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.993.518.963</b>	<b>21.089.972.677</b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	41.810.206.096	28.735.831.746
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.810.206.096</b>	<b>28.735.831.746</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>9.302.051.795</i>	<i>8.616.736.451</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>29.520.396.931</i>	<i>25.711.759.851</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho bên thứ ba</i>	<i>12.289.809.165</i>	<i>12.473.236.226</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho bên thứ ba</i>	<i>3.691.467.171</i>	<i>3.024.071.895</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VAY**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>						
Vay hạn mức ngân hàng (Thuyết minh 21.1)	27.223.180.615	27.223.180.615	46.479.023.638	(36.949.700.324)	36.752.503.929	36.752.503.929
Vay đối tượng khác (thuyết minh 21.2)	131.714.908.058	131.714.908.058	6.269.005.562	(31.347.557.425)	106.636.356.195	106.636.356.195
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21.3)	76.033.720.347	76.033.720.347	46.006.200.423	(29.557.344.107)	92.482.576.663	92.482.576.663
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	90.000.000.000	90.000.000.000	52.000.000.000	(69.000.000.000)	73.000.000.000	73.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>324.971.809.020</b>	<b>324.971.809.020</b>	<b>150.754.229.623</b>	<b>(166.854.601.856)</b>	<b>308.871.436.787</b>	<b>308.871.436.787</b>
<b>Dài hạn</b>						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 21.3)	407.332.300.662	407.332.300.662	57.526.195.158	(46.006.200.423)	418.852.295.397	418.852.295.397
Vay đối tượng khác (thuyết minh 21.2)	-	-	76.470.525.473	-	76.470.525.473	76.470.525.473
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	91.626.410.000	91.626.410.000	-	-	91.626.410.000	91.626.410.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>498.958.710.662</b>	<b>498.958.710.662</b>	<b>133.996.720.631</b>	<b>(46.006.200.423)</b>	<b>586.949.230.870</b>	<b>586.949.230.870</b>

**21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Đây là các khoản vay hạn mức từ một số ngân hàng thương mại với lãi suất là từ 3,5% - 6,5%/năm.

**21.2 Vay đối tượng khác**

Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay từ 1 – 3 năm kể từ ngày giải ngân với khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2026. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 7,02% - 7,28%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VAY**

**21.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	282.810.883.657	Kỳ hạn vay 60 tháng. Sau thời gian ân hạn một năm, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Lãi vay được trả hàng tháng. Đáo hạn cuối cùng ngày 27 tháng 4 năm 2028.	6,85%	Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt với giá trị 150 tỷ đồng Việt Nam và toàn bộ quyền phát sinh, tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội – CMC Creative Space Hanoi".
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	228.523.988.403	Kỳ hạn vay 72 tháng. Gốc và lãi vay được thanh toán theo kế hoạch trả nợ được ngân hàng thông báo. Đáo hạn cuối cùng ngày 25 tháng 11 năm 2032.	7,2% - 7,6%	Toàn bộ máy móc, thiết bị, tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án "Không gian sáng tạo CMC" và Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 2, Lô Vb.27b-28-29 đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận Đông, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>511.334.872.060</b>			
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả	92.482.576.663			
- Vay dài hạn	418.852.295.397			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	5.916.602.965	2.771.376.450
Trích quỹ trong kỳ ( <i>Thuyết minh số 24</i> )	20.712.847.505	17.461.436.515
Điều chỉnh tăng khác	-	287.910.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.651.105.936)	(120.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>23.978.344.534</u></b>	<b><u>20.400.722.965</u></b>

**23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	1.799.872.161	844.554.639
Trích quỹ trong kỳ ( <i>Thuyết minh số 24</i> )	25.891.059.382	21.826.795.644
Sử dụng quỹ trong kỳ	(17.747.882.355)	(10.231.676.480)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>9.943.049.188</u></b>	<b><u>12.439.673.803</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</b>					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023	1.505.960.320.000	331.216.950.400	-	223.871.694.385	2.061.048.964.785
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	62.645.010.780	62.645.010.780
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.461.436.515)	(17.461.436.515)
- Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	(21.826.795.644)	(21.826.795.644)
- Thu hồi cổ phiếu ESOP đã phát hành	-	-	(181.000.000)	-	(181.000.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2023	<u>1.505.960.320.000</u>	<u>331.216.950.400</u>	<u>(181.000.000)</u>	<u>247.228.473.006</u>	<u>2.084.224.743.406</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</b>					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	1.900.269.960.000	27.062.540.400	-	259.811.066.843	2.187.143.567.243
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	90.546.513.642	90.546.513.642
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(20.712.847.505)	(20.712.847.505)
- Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ (i)	-	-	-	(25.891.059.382)	(25.891.059.382)
- Tăng vốn từ phát hành ESOP	4.123.000.000	-	-	-	4.123.000.000
- Thu hồi cổ phiếu ESOP đã phát hành	-	-	(418.000.000)	-	(418.000.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	<u>1.904.392.960.000</u>	<u>27.062.540.400</u>	<u>(418.000.000)</u>	<u>303.753.673.598</u>	<u>2.234.791.173.998</u>

(i) Công ty đã thực hiện trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học công nghệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2024/NQ ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024			Ngày 31 tháng 3 năm 2024		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của các đối tượng khác	190.439.296	190.439.296	-	190.026.996	190.026.996	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>190.439.296</b>	<b>190.439.296</b>	<b>-</b>	<b>190.026.996</b>	<b>190.026.996</b>	<b>-</b>

**24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	1.900.269.960.000	1.505.960.320.000
Tăng trong kỳ	4.123.000.000	-
Số cuối kỳ	<b>1.904.392.960.000</b>	<b>1.505.960.320.000</b>
<b>Cổ tức đã công bố trong kỳ</b>	-	-
<b>Cổ tức đã trả trong kỳ</b>	<b>57.998.811</b>	<b>320.179.165</b>
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng cổ phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng tiền	57.998.811	320.179.165

**24.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2024
	Số cổ phần	Số cổ phần
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>190.439.296</b>	<b>190.026.996</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>190.439.296</b>	<b>190.026.996</b>
Cổ phiếu phổ thông	190.439.296	190.026.996
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(41.800)	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>190.397.496</b>	<b>190.026.996</b>
Cổ phiếu phổ thông	190.397.496	190.026.996

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 3 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2024
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	31.591,36	31.611,16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. DOANH THU**

**26.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>121.152.296.722</b>	<b>106.439.924.184</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	<i>120.042.296.722</i>	<i>105.319.787.397</i>
<i>Doanh thu dịch vụ khác</i>	<i>1.110.000.000</i>	<i>1.120.136.787</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>121.152.296.722</b>	<b>106.439.924.184</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên thứ ba</i>	<i>25.619.975.211</i>	<i>22.891.510.863</i>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>95.532.321.511</i>	<i>83.548.413.321</i>

**26.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	84.248.272.276	69.676.580.455
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.775.467.413	17.725.092.972
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.023.739.689</b>	<b>87.401.673.427</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	50.865.938.054	49.423.425.284
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	323.073.141	499.226.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.189.011.195</b>	<b>49.922.651.802</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Dự phòng đầu tư tài chính	23.091.053.427	31.112.518.218
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	15.413.326.866	18.291.485.781
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.504.380.293</b>	<b>49.404.003.999</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	18.249.852.621	18.413.426.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.180.069.117	2.293.827.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.166.812.253	987.642.476
Chi phí vật liệu	53.199.610	89.124.636
Các chi phí khác	9.971.855.153	9.954.494.059
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.621.788.754</b>	<b>31.738.515.382</b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Chi phí vật liệu	53.199.610	89.124.636
Chi phí nhân công	18.249.852.621	18.413.426.239
Chi phí khấu hao và hao mòn	23.360.884.010	23.013.624.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.243.061.591	29.300.611.358
Chi phí khác	16.364.426.909	11.013.649.970
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>84.271.424.741</b>	<b>81.830.436.600</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90.575.511.812</b>	<b>62.674.008.950</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm)</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	167.000.000	195.200.000
Các khoản điều chỉnh khác	218.189.000	218.189.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(84.248.272.276)	(69.676.580.455)
Lỗi các năm trước chuyển sang	(6.712.428.536)	-
<b>Lỗi tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>(6.589.182.505)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.2 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế là: 17.953.257.646 VND. Chi tiết như sau:

Năm/kỳ phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 9 năm 2024
2023	2028	(24.665.686.182)	(6.712.428.536)	-	(17.953.257.646)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(24.665.686.182)</b>	<b>(6.712.428.536)</b>	<b>-</b>	<b>(17.953.257.646)</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế này do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

**31.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.647.247.965	1.618.249.795		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ</b>			<b>28.998.170</b>	<b>28.998.170</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 và có giao dịch trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC Japan	Công ty con
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC Korea	Công ty con
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC	Công ty con
Trường Đại học CMC	Công ty con
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	Công ty con
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Các cá nhân thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành như đã được đề cập ở phần Thông tin chung	Các cá nhân là nhân sự chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 và 30 tháng 9 năm 2023 bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.580.908.872	9.278.316.407
	Mua dịch vụ	24.937.166.444	712.314.283
	Lãi vay phải trả	276.986.300	-
	Vay nội bộ ngắn hạn	30.000.000.000	-
	Trả gốc vay	10.000.000.000	-
	Lợi nhuận được chia	5.842.059.850	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.850.131.279	61.067.211.197
	Mua dịch vụ	912.932.640	898.097.586
	Nhận đặt cọc thuê văn phòng	3.450.982.120	4.672.585.485
	Lợi nhuận được chia	29.120.026.650	35.606.480.455
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Doanh thu cung cấp dịch vụ	862.018.785	542.250.518
	Mua dịch vụ	330.000.000	330.000.000
	Bán tài sản	-	1.203.393.304
	Cho vay ngắn hạn	-	3.200.000.000
	Góp vốn bằng hình thức bù trừ công nợ	10.000.000.000	-
	Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
	Lãi cho vay	358.728.766	535.643.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 và 30 tháng 9 năm 2023 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài	Cho giai đoạn tài
		chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024	chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023
Công ty TNHH CMC Global	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.016.268.812	9.591.900.539
	Mua dịch vụ	1.322.400.000	
	Góp vốn bằng bù trừ công nợ	-	30.000.000.000
	Nhận đặt cọc thuê văn phòng	-	509.200.830
	Lợi nhuận được chia	18.431.185.776	13.305.680.000
	Đi vay nội bộ ngắn hạn	-	13.000.000.000
	Lãi vay phải trả	965.205.480	18.164.384
	Trả nợ gốc vay	42.000.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Netnam	Cổ tức được chia	30.855.000.000	20.570.000.000
Công ty TNHH CMC Consulting	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.343.367.690	1.298.915.400
	Mua dịch vụ	1.131.731.786	1.312.781.132
	Cho vay ngắn hạn	-	42.100.000.000
	Phải thu lãi cho vay	-	145.260.274
	Thu hồi gốc vay	-	49.200.000.000
	Trả nợ gốc vay	10.000.000.000	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.110.000.000	1.110.000.000
	Lãi vay phải trả	1.378.161.619	1.378.161.619
Công ty TNHH CMC Education	Góp vốn bằng tiền mặt	-	27.000.000.000
	Vay nội bộ ngắn hạn	22.000.000.000	-
	Trả nợ gốc vay	7.000.000.000	-
	Lãi vay phải trả	505.397.260	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Doanh thu cung cấp dịch vụ	769.626.073	659.819.260
	Đặt cọc thuê văn phòng	357.654.960	-
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	Góp vốn bằng tiền mặt	55.000.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi 6.250.054.278 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 3 năm 2024: 6.250.054.278 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi từng kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>			
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	59.075.900.000	59.075.900.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Phải thu cung cấp dịch vụ	18.371.159.016	18.524.896.481
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Phải thu cung cấp dịch vụ	8.628.041.935	-
Công ty TNHH CMC Consulting	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.373.022.542	1.171.631.671
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.096.206.275	495.225.987
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Phải thu cung cấp dịch vụ	4.998.645.415	493.058.280
Công ty TNHH CMC Global	Phải thu cung cấp dịch vụ	106.160.961	125.348.884
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Phải thu cung cấp dịch vụ	8.785.930	-
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công Nghệ CMC	Phải thu cung cấp dịch vụ	2.187.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>93.660.109.074</b>	<b>79.886.061.303</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</b>			
Công ty TNHH CMC Global	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	-	506.400.000
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	-	17.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>523.400.000</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Phải thu về cho vay	8.650.000.000	18.650.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8.650.000.000</b>	<b>18.650.000.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>			
Công ty TNHH CMC Global	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	131.731.185.776	163.300.000.000
	Phải thu chi hộ	1.024.573.275	110.318.790
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	29.120.026.650	-
	Phải thu chi hộ	1.042.460.033	601.036.375
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	57.722.059.850	51.880.000.000
	Phải thu chi hộ	4.138.981.317	3.216.865.369
	Phải thu lãi cho vay	68.949.699	68.949.699
Công ty TNHH CMC Blue France	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Phải thu khác	2.214.157.827	-
Công ty TNHH CMC Consulting	Phải thu chi hộ	102.457.328	200.000.000
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Phải thu chi hộ	770.378.900	8.191.211.935
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Phải thu chi hộ	68.116.255	16.887.590
	Phải thu lãi cho vay	646.936.989	288.208.222
Các đối tượng khác	Phải thu chi hộ	102.457.328	47.802.517
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>235.002.795.505</u></b>	<b><u>234.171.334.775</u></b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</b>			
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Mua dịch vụ	21.694.827.639	5.709.336.026
Công ty TNHH CMC Consulting	Mua dịch vụ	1.037.248.000	412.720.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Mua dịch vụ	174.942.907	220.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>22.907.018.546</u></b>	<b><u>6.122.276.026</u></b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)</b>			
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Phải trả lãi vay	9.302.051.792	8.616.736.451
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>9.302.051.792</u></b>	<b><u>8.616.736.451</u></b>

500  
 CC  
 CHN  
 NSI  
 VIỆ  
 TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 20)</b>			
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Nhận ký quỹ, ký cược	25.765.572.371	22.314.590.251
Công ty TNHH CMC Global	Nhận ký quỹ, ký cược	2.788.401.600	2.788.401.600
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Nhận ký quỹ, ký cược	608.768.000	608.768.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Nhận ký quỹ, ký cược	357.654.960	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>29.520.396.931</b>	<b>25.711.759.851</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21)</b>			
Công ty TNHH CMC Global	Vay ngắn hạn	8.000.000.000	50.000.000.000
Trường Đại học CMC	Vay ngắn hạn	35.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Vay ngắn hạn	30.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH CMC Consulting	Vay ngắn hạn	-	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>73.000.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh số 21)</b>			
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Vay dài hạn	91.626.410.000	91.626.410.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>91.626.410.000</b>	<b>91.626.410.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát trong kỳ:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i>
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	210.447.619	215.400.000
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 7 năm 2024	39.600.000	39.600.000
Ông Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT	39.600.000	13.200.000
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 7 năm 2023	-	26.400.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn/Tổng Giám Đốc	736.380.953	429.000.000
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	232.380.952	240.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 7 năm 2024 Giám đốc tài chính từ ngày 25 tháng 7 năm 2024	448.572.079	49.800.000
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	10.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát ngày 26 tháng 7 năm 2023	-	20.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Trưởng Ban Kiểm soát đến ngày 25 tháng 7 năm 2024 Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 6 tháng 9 năm 2024	46.500.000	30.000.000
Bà Mai Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 6 tháng 9 năm 2024	13.300.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.034.381.603</b>	<b>1.311.000.000</b>

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày</b>			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	120.042.296.722	1.110.000.000	121.152.296.722
Tổng doanh thu	120.042.296.722	1.110.000.000	121.152.296.722
<b>Kết quả</b>			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	69.176.358.668	786.926.859	69.963.285.527
Chi phí bán hàng	(460.624.792)	-	(460.624.792)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			21.072.851.077
Lợi nhuận thuần trước thuế			90.575.511.812
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(28.998.170)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			90.546.513.642
<b>Tài sản và công nợ</b>			
Tài sản bộ phận	650.107.899.487	-	650.107.899.487
Tài sản không phân bổ (ii)			2.690.813.469.165
Tổng tài sản			3.340.921.368.652
Nợ phải trả bộ phận	3.657.124.065	-	3.657.124.065
Nợ phải trả không phân bổ (iii)			1.102.473.070.589
Tổng nợ phải trả			1.106.130.194.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực cho thuê văn phòng	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 9 năm 2023</b>			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	105.319.787.397	1.120.136.787	106.439.924.184
Tổng doanh thu	105.319.787.397	1.120.136.787	106.439.924.184
<b>Kết quả</b>			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	55.896.362.113	620.910.269	56.517.272.382
Chi phí bán hàng	(169.269.416)	-	(169.269.416)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)	-	-	6.326.005.984
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	62.674.008.950
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(28.998.170)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	62.645.010.780
<b>Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024</b>			
<b>Tài sản và công nợ</b>			
Tài sản bộ phận	673.745.186.809	7.429.241.935	681.174.428.744
Tài sản không phân bổ (ii)	-	-	2.517.329.400.935
Tổng tài sản	-	-	3.198.503.829.679
Nợ phải trả bộ phận	3.731.737.784	-	3.731.737.784
Nợ phải trả không phân bổ (iii)	-	-	1.017.628.524.652
Tổng nợ phải trả	-	-	1.021.360.262.436

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN;
- (ii) Ngoại trừ khoản mục phải thu khách hàng và tài sản cố định hữu hình được phân bổ theo từng bộ phận, các tài sản còn lại là tài sản không được phân bổ;
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục chi phí phải trả, phải trả người lao động, phải trả khác, thuế, các khoản vay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

KINH



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng***

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 38,9 tỷ VND liên quan đến việc thực hiện Dự án “Không gian sáng tạo CMC”.

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 (*)</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Dưới 1 năm	169.059.116.360	179.007.784.651
Từ 1 năm – 5 năm	329.695.995.270	374.105.277.526
Trên 5 năm	101.576.295.553	130.739.538.439
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>600.331.407.183</u></b>	<b><u>683.852.600.616</u></b>

(\*) Số dư cam kết cho thuê hoạt động tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 bao gồm các khoản cam kết từ các bên liên quan với tổng số tiền vào khoản 502 tỷ VND.

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

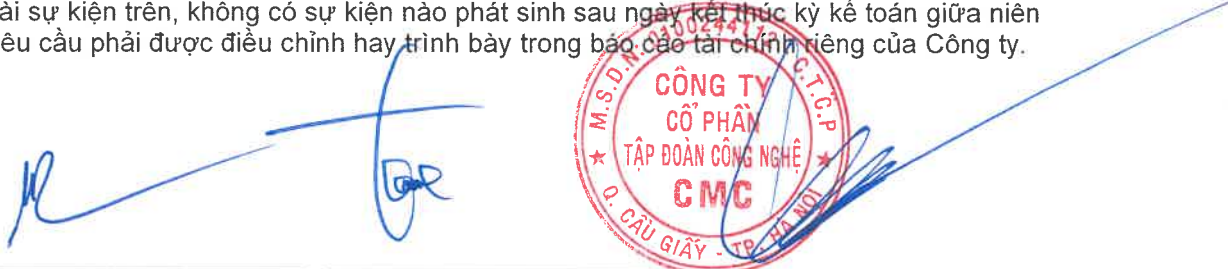
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Dưới 1 năm	2.430.078.600	2.787.562.200
Từ 1 năm - 5 năm	5.995.380.000	6.505.380.000
Trên 5 năm	28.234.953.600	27.893.767.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.660.412.200</u></b>	<b><u>37.186.709.700</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 7 tháng 10 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐQT về việc phê duyệt phương án phát hành cổ phần để chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023 với tỷ lệ 11%. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc chi trả cổ tức nói trên.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Hồng Phương  
Người lập kiêm  
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 28 tháng 11 năm 2024